

Phụ lục Tổng hợp 1

ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025

THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG TỈNH QUẢNG NGÃI

Nguồn vốn: Ngân sách trung ương và ngân sách địa phương

(Kèm theo Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 22 tháng 8 năm 2025 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi)

DVT: Triệu đồng

STT	Dự án/Tiểu dự án/ Nội dung thành phần	Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 (tỉnh Quảng Ngãi mới)				Trong đó								Ghi chú
						Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 của tỉnh Quảng Ngãi (cũ)				Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 của tỉnh Kon Tum (cũ)				
		Tổng vốn	Trong đó			Tổng vốn	Trong đó			Tổng vốn	Trong đó			
			NSTW	NSDP gồm:			NSTW	NSDP gồm:			NSTW	NSDP gồm:		
NS tỉnh	NSH	NS tỉnh		NSH	NS tỉnh	NSH								
	TỔNG CỘNG	1,275,697.5	1,149,932.1	62,371.3	63,394.1	584,152	512,206	54,132	17,813	691,546	637,726	8,239	45,581	
I	Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển kinh tế xã hội các huyện nghèo, các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo	1,074,657	969,814	41,448	63,394	473,740	414,477.9	41,448.3	17,813	600,917	555,336	-	45,581	
1	- Tiêu dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo	1,074,657	969,814	41,448	63,394	473,740	414,478	41,448	17,813	600,917	555,336	-	45,581	
II	Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm và nhà ở	201,041	180,118	20,923	-	110,412	97,728	12,684	-	90,629	82,390	8,239	-	
1	- Tiêu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn	169,017	150,085	18,932	-	90,247	78,476	11,771	-	78,770	71,609	7,161	-	
2	- Tiêu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững	18,857	16,866	1,991	-	6,998	6,085	913	-	11,859	10,781	1,078	-	
3	Chưa phân khai	13,167	13,167	-	-	13,167	13,167	-	-	-	-	-	-	Tỉnh đã có vb đề nghị TW cắt giảm